TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/LĐ-ST
Ngày: 27-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng lao động về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo;

2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Toàn– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 110/2025/TLST- LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động về bảo hiểm xã hội", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã V, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH B; địa chỉ: hộ khẩu thường trú: Khu công nghiệp M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông LIN JONG CHU, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2025).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã Hội cơ sở B1; địa chỉ: Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng K, chức vụ: Giám đốc.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà M trình bày*:**

Bà M có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2021 đến ngày 31/7/2024. Sau đó, bà M xin nghỉ việc và công ty đã chấp nhận theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 01/8/2024. Tuy nhiên đến nay, công ty vẫn chưa chốt bảo hiểm và tờ rời cho bà M.

Do vây, bà M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B đóng tiền tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu là 27.554.304 đồng và các khoản lãi chậm trả bảo hiểm, tiền phạt đóng chậm cho C (nếu có). Trong đó, khoản tiền bảo hiểm trích từ lương của bà M, tương ứng 10,5% lương là 9.041.256 đồng; Công ty đóng bảo hiểm, tương ứng là 21,5% là 18.513.048 đồng và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội và trả tờ rời cho bà M.

**** Quá trình tố tụng, đại diện Công ty TNHH B trình bày:***

Bà M làm việc trong Công ty TNHH B và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2021 đến ngày 31/7/2024. Do có việc gia đình nên bà M xin nghỉ việc và công ty đã chấp nhận theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số QĐ/0108024 ngày 01/8/2024.

Quá trình làm việc, công ty chưa đóng bảo hiểm cho bà M từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024 với số tiền phải đóng 27.554.304 đồng. Mức lương đóng bảo hiểm cho bà M từ tháng 3/2023 đến tháng 12/2023 là 5.000.000 đồng, từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024 là 5.100.000 đồng. Tháng 7/2024, mức đóng BHXH là 5.307.200 đồng. Cụ thể: Khoản tiền bảo hiểm trích từ lương của bà M, tương ứng 10,5% lương là 9.041.256 đồng; Công ty đóng bảo hiểm, tương ứng là 21,5% là 18.513.048 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà M thì Công ty TNHH B đồng ý đóng số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn thiếu 27.554.304 đồng và tiền lãi, tiền phạt và các khoản phí khác nếu cơ quan bảo hiểm có yêu cầu.

**** Tại công văn 168/CV-BHXH ngày 21/8/2025, Bảo hiểm xã Hội cơ sở B1 trình bày:***

Công ty TNHH B còn nợ cơ quan BHXH Bến Cát 2.216.873.999 đồng, nợ từ tháng 3/2023. Đồng thời Bảo hiểm xã hội đề nghị công ty thanh toán toàn bộ số nợ bảo hiểm cho toàn bộ công nhân tại công ty.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:***

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền nợ đóng bảo hiểm xã hội. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn đóng tiền tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu là 27.554.304 đồng và trả sổ bảo hiểm. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Bà M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội, tờ rời cho bà M. Chứng cứ bà M cung cấp là Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số QĐ/0108024 ngày 01/8/2024.

[3.2] Công ty TNHH B thừa nhận bà M có làm việc trong công ty, đã được công ty cho nghỉ việc theo nguyện vọng vào ngày 01/8/2024. Do khó khăn nên công ty chưa đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà M. Nay, Công ty TNHH B đồng ý đóng số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024 với số tiền 27.554.304 đồng và các khoản lãi, tiền phạt và các khoản phí khác nếu Bảo hiểm xã Hội cơ sở B1 có yêu cầu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà M không phải nộp án phí do thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Bị đơn Công ty TNHH B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 5, 6, 13, 168 của Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng lao động về bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị M đối với Công ty TNHH B.

1.1. Công ty TNHH B có trách nhiệm đóng số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà M từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024 với số tiền 27.554.304 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm lẻ bốn đồng) và tiền lãi, tiền phạt và các khoản phí khác (nếu có) cho Cơ quan bảo hiểm xã hội.

1.2. Việc đóng bảo hiểm xã hội phải thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực thi hành. Sau khi đóng xong đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà M, Công ty TNHH B có trách nhiệm trả lại sổ Bảo hiểm xã hội cho Nguyễn Thị M.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà M không phải nộp án phí do thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

- Công ty TNHH B phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-TP.Hồ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18-
TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Nguyễn Tuấn Nam